**CHUYÊN ĐỀ**

**KỸ NĂNG GIÁM SÁT VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**CỦA HĐND TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG**

**TS. Vũ Văn Họa**

*Nguyên Phó Tổng Kiểm toán nhà nước*

**I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG**

**1. Một số khái niệm**

1.1. *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

1.2. *Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

1.3. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi, hiệu quả, nguồn vốn và mức vốn của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

1.4. *Bộ, cơ quan trung ương và địa phương* là cơ quan, tổ chức được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công, bao gồm:

a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ…

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công.

1.5. *Chủ chương trình* là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.

1.6. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công.

1.7. *Chủ trương đầu tư* là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ để lập, trình và phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công.

1.8. *Chương trình đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.9. *Chương trình mục tiêu quốc gia* là chương trình đầu tư công nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước.

1.10. *Cơ quan chủ quản* là Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quy định tại khoản 4 Điều này quản lý chương trình, dự án.

1.11. *Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu tư công của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

1.12. *Cơ quan quản lý nhà nước* *về đầu tư công* bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.

1.13. *Dự án đầu tư công* là dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

1.14. *Dự án đầu tư công khẩn cấp* là dự án đầu tư công nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.15. *Đầu tư công* là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật này.

1.16. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

1.17. *Kế hoạch đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

1.18. *Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư* là các hoạt động để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

1.19. *Nhiệm vụ quy hoạch* là các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

1.20. *Nợ đọng xây dựng cơ bản* là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có vốn bố trí cho phần khối lượng thực hiện đó.

1.21. *Phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công* là xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động đầu tư công.

1.22. *Vốn đầu tư công* quy định tại Luật này bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

1.23. *Vốn ngân sách trung ương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.24. *Vốn ngân sách địa phương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.25. *Vốn ngân sách trung ương bổ sung* *có mục tiêu cho địa phương* là vốn thuộc ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương để đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.

**2. Đối tượng đầu tư công**

1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.

**3. Phân loại dự án đầu tư công**

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật này.

**4. Tiêu chí phân loại dự án (quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C)**

**5. Chi phí đầu tư và kết quả đầu tư**

**5.1. Chi phí đầu tư**

Chi phí đầu tư, nói một cách chung nhất là mọi nguồn lực (tiền vốn, đất đai, tài sản, lao đông, trí tuệ...) được sử dụng cho hoạt động đầu tư (bao gồm việc tạo ra TSCĐ, phương tiện và các điều kiện và các điều kiện để bảo đảm bảo hoạt động bình thường.

Theo tính chất các loại chi phí có thể chia ra làm 2 loại chính:

(1)- *Chi phí đầu tư cố định*, bao gồm:

Đất đai, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; các cơ sở phụ trợ, tiện ích khác và các chi phí trước vận hành.

Phần chi phí trước vận hành tuy không trực tiếp tạo ra tài sản, phương tiện phục vụ cho hoạt động đầu tư, nhưng là các chi phí gián tiếp hoặc liên quan đến việc tạo ra và vận hành khai thác các tài sản đó để đạt được mục tiêu đầu tư. Chi phi này thường xuất hiện cho các khoản: (1) chi phí công tác chuẩn bị ban đầu, phát triển dự án như điều tra, khảo sát để lập, trình duyệt dự án, (2) chi phí cho tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện dự án, (3) chi phí quản lý dự án, (4) chi phí chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, (5) các chi phí tài chính khác như phí thu xếp tài chính, phí cam kết, phí bảo lãnh, lãi vay,...

(2)- Chi phí vốn lưu động ban đầu: Là chi phí để tạo ra các tài sản lưu động ban đầu, bảo đảm các điều kiên tối thiểu cho các dự án đi vào hoạt động bình thường, bao gồm các khoản:

Dự trữ vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cho một chu kỳ sản xuất kể cả các dự trử bảo hiểm cần thiết.

Dự trữ bán thành phẩm, thành phẩm tồn kho

Các khoản thuộc quỹ tiền mặt

Tuỳ thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng dự án mà có thể có hoặc không chi phí vốn lưu động ban đầu.

**5.2. Kết quả đầu tư**

Kết quả đầu tư biểu hiện sự đạt được các dự tính ban đầu của dự án đầu tư, bao gồm mục tiêu, nhiệm vụ của dự án dưới dạng các lợi ích cụ thể.

Một dự án đầu tư đạt được kết quả tốt sẽ được thể hiện trong 3 nội dung:

- Kết quả tài chính: đó chính là việc đã đạt hiệu quả cao về lợi ích tài chính trong quá trình thực hiện dự án cũng như trong sản xuất kinh doanh.

- Kết quả về kinh tế: đó chính là việc đã tạo ra phần của cải vật chất, trực tiếp đóng góp cho phát triển; đồng thời, tạo sức lan tỏa và có mối tác động tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế trong một vùng, một ngành nào đó.

- Kết quả về xã hội: đó chính là việc đã tạo ra những điều kiện giải quyết các vấn đề về xã hội như công ăn việc làm, nâng cao dân trí...

**6. Nguồn vốn đầu tư công ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Vốn Ngân sách đầu tư cho các công trình của các Bộ, ngành trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh, thành phố (hệ thống các quốc lộ; các công trình thủy lợi quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn, các trường Đại học lớn, các bệnh viện do Trung ương quản lý).

- Vốn đầu tư cân đối NSNN, bao gồm cả nguồn thu từ đất, sổ số kiến thiết.

- Vốn bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương (bao gồm vốn ODA, hỗ trợ đối ứng ODA, các khoản hỗ trợ theo mục tiêu khác).

- Vốn Ngân sách để lại cho địa phương đầu tư phát triển.

- Vốn tín dụng đầu tư của các công trình do các cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Vốn huy động trong khu vực dân cư…

**II. QUY TRÌNH PHÂN BỔ VÀ TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**

**1. Vị trí của NSNN trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội**

(1) NSNN và các bước cân đối ngân sách trong kỳ kế hoạch

Ngân sách nhà nước là một trong những nguồn lực phát triển của đất nước. Tuy chiếm tỷ trọng không cao (khoảng 20-22% GDP) trong tổng nguồn lực, nhưng nó là hạt nhân cơ bản để thu hút các nguồn lực khác cùng hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Cân đối ngân sách trong khung kế hoạch được xây dựng dựa trên nguyên tắc:

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách Nhà nước bình quân hàng năm là 22 - 23% GDP, trong đó thuế và phí khoảng 20 - 21% GDP.

- Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước lớn hơn tốc độ tăng GDP và chỉ số lạm phát cộng lại.

- Tốc độ tăng thu phải lớn hơn tốc độ tăng chi; chi cho đầu tư phát triển chiếm khoảng 30% tổng chi; tốc độ tăng chi tiêu thường xuyên không được vượt quá tốc độ tăng chi đầu tư phát triển (để tăng nhanh tích luỹ cho đầu tư và xem xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là một trong những giải pháp hữu hiệu thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế);

- Bội chi ngân sách không vượt quá 5% GDP và được bù đắp bằng vay trong nước và vay nước ngoài...

(2) Nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch đầu tư từ NSNN

*Một là,* xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh và cho việc phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhà nước sẽ cấp phát vốn đầu tư từ ngân sách cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, phát triển nguồn nhân lực không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn rất chậm.

*Hai là*, tạo sức hút các nguồn vốn khác cùng tham gia đầu tư vào mục tiêu công cộng. Trong trường hợp này, vốn của Nhà nước đóng vai trò tác nhân thúc đẩy, do vậy cần phải sử dụng thật có hiệu quả, các dự án của nguồn vốn Nhà nước phải có sức lan toả và thu hút cao.

*Ba là,* hỗ trợ đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa. Đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác. Hỗ trợ đầu tư xoá đói giảm nghèo... Hỗ trợ đầu tư phát triển mới doanh nghiệp Nhà nước trong một số lĩnh vực then chốt mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không muốn đầu tư.

**2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công (Điều 35, Luật ĐTC)**

1) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

b) Chương trình đầu tư công đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

c) Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tôn giáo và các chương trình, dự án khác theo quy định của Chính phủ.

2) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có thẩm quyền sau đây:

a) Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C quy định tại điểm a khoản này cho cơ quan trực thuộc.

3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5) Trường hợp điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án, thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật này.

6) Chính phủ quy định việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị.

7) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định đầu tư chương trình, dự án chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các chương trình, dự án được phê duyệt.

**3. Quy trình phân bổ, tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư công**

***3.1. Nguyên tắc chung***

Trong quá trình cân đối vốn đầu tư từ ngân sách tuân thủ các yêu cầu và nguyên tắt sau đây:

(1) Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tỷ lệ điều tiết ngân sách nhà nước sẽ ổn định từ 3 năm đến 5 năm.

(2) Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời phải được quản lý chặt chẽ theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

(3) Bảo đảm thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư, tạo sức hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn vốn khác để bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn đầu tư trong toàn xã hội nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

(4) Bảo đảm tính công bằng, công khai, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý.

Đối với các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, khi cân đối vốn đầu tư cần phải đảm bảo nguyên tắc:

- Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm các nguồn được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương) của từng tỉnh, thành phố phải cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên và tăng hơn tốc độ tăng chi ngân sách của tỉnh, thành phố.

- Tổng mức chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm các nguồn được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương) của từng tỉnh, thành phố năm sau phải cao hơn năm trước.

***3.2. Quy trình phân bố nguồn vốn đầu tư từ NSNN***

Trên cơ sở định hướng chung, trước mắt ổn định trong những năm đầu thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến thực hiện cân đối vốn đầu tư công theo quy trình như sau:

**Bước 1:** Xác định các khoản chi có tính chất chung trong tổng vốn chi cho đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách:

Trên cơ sở bảng cân đối thu - chi ngân sách đã được xác định, tính toán các khoản chi chung (chi cho phát triển) mà cả đầu tư trung ương và địa phương đều được thụ hưởng (không tính riêng theo đơn vị quản lý); các khoản này đều được thể hiện trong bản cân đối ngân sách và được Quốc hội thông qua, bao gồm:

- Bổ sung Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu;

- Góp vốn cổ phần các Quỹ;

- Bù lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước;

- Chi bổ sung dự trữ nhà nước;

- Chi bổ sung vốn lưu động của các DNNN;

- Một số khoản chi khác.

Phần chi cho đầu tư xây dựng cơ bản thể hiện trong bảng cân đối ngân sách nhà nước, bao gồm cả vốn trong nước và vốn ngoài nước. Vốn ngoài nước chính là phần vốn ODA đưa vào ngân sách để đầu tư.

**Bước 2**: Xác định các khoản đầu tư theo chương trình mục tiêu và các khoản hỗ trợ đầu tư thực hiện các đề án, các dự án, các chương trình, các Quyết định, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

**Bước 3**: Xác định ***tổng******mức vốn*** đầu tư để cân đối cho các bộ ngành trung ương và các tỉnh thành thực hiện các mục tiêu của kế hoạch:

**Bước 4:** Xác định ***mức chi ngân sách đầu tư*** cho các Bộ, ngành, tỉnh, thành. phố trực thuộc.

Căn cứ để cân đối vốn cho các ngành, các địa phương:

- Thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đã được hoạch định trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ.

- Tuân thủ tiêu chí cân đối chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các tỉnh và thành phố:

- Bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, có hiệu quả.

**Bước 5:**Tổng hợp, hoàn chỉnh và báo cáo kế hoạch cân đối vốn đầu tư theo quy định hiện hành và giao kế hoạch đầu tư XDCB sau khi Quốc hội thông qua.

**Bước thứ 6:** Triển khai phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư ở các Bộ ngành và địa phương.

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, các Bộ ngành triển khai các công việc sau:

+ Phân bổ cụ thể vốn đầu tư cho từng dự án thuộc nhóm A theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Lựa chọn các dự án thuộc nhóm B và C để bố trí trong kế hoạch năm, phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án theo đúng qui hoạch, theo đúng định hướng, đúng mục tiêu đề ra, có đủ các thủ tục về đầu tư và xây dựng.

+ Tiến hành giao kế hoạch cho các đơn vị cơ sở để triển khai thực hiện. Theo quy định phải giao kế hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

***3.3. Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương***

Ngân sách Trung ương sẽ tiếp tục hỗ trợ cho ngân sách địa phương đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu sau đây:

- Chương trình xoá đói giảm nghèo và việc làm

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Chương trình giáo dục và đào tạo

- Chương trình văn hoá

- Chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình

- Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS

- Chương trình phòng chống tội phạm

- Dự án trồng 5 triệu ha rừng

- Chương trình 135

- Chương trình Biển đông, hải đảo

- Và một số các chương trình hỗ trợ khác theo các Nghị quyết, Quyết định của Đảng, Quốc hội và Nhà nước.

**III. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG**

**1. Hoạt động giám sát trong lĩnh vực đầu tư công**

**(1) Ở Trung ương,** Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội thực hiện chức năng giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản thông qua bản cân đối vốn đầu tư từ ngân sách, các tiêu chí phân bổ, mục tiêu bố trí đầu tư ngân sách cho đầu tư; cơ cấu đầu tư theo ngành, vùng lãnh thổ. Đồng thời giám sát việc sử dụng NSNN qua việc thực hiện một số các dự án lớn. Nội dung công tác giám sát bao gồm khâu kiểm tra, theo dõi, phát hiện vấn đề, chất vấn các cơ quan Chính phủ trả lời và kiến nghị các giải pháp tiếp theo để thực hiện tốt các nhiệm vụ.

**(2)** **Ở địa phương,** các Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh, thành phố, quận huyện; được Hội đồng nhân dân thông qua trong kỳ họp của Hội đồng; giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản thông qua việc phân bổ các nguồn vốn đầu tư ở các tỉnh, thành phố; mục tiêu bố trí đầu tư ngân sách đầu tư trong tỉnh, thành phố. Đồng thời giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước qua việc thực hiện một số các dự án lớn của địa phương và tham gia giám sát việc sử dụng NSNN qua việc thực hiện một số các dự án lớn của Trung ương trên địa bàn.

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ở Chương II, Mục I, Điều 11 đã quy định: Trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân Tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Quyết định quy hoạch kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất đai, phát triển ngành và quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nông thôn trong phạm vi quản lý; lĩnh vực đầu tư­ và quy mô vốn đầu t­ư theo phân cấp của Chính phủ.

Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng l­ới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến nông­, khuyến công ở địa phư­ơng và thông qua cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển các thành phần kinh tế ở địa ph­ương, bảo đảm quyền sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh tế theo quy định của pháp luật

Quyết định dự toán thu ngân sách nhà n­ước trên địa bàn; dự toán thu chi ngân sách địa phư­ơng và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa ph­ương; quyết định các chủ tr­ương biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phư­ơng; điều chỉnh dự toán ngân sách địa ph­ương trong trường hợp cần thiết; giám sát việc thực hiện ngân sách đã đư­ợc HĐND quyết định.

Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách ở địa ph­ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà n­ước.

Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân và mức huy động vốn theo quy định của pháp luật.

Quyết định ph­ương án quản lý và sử dụng nguồn nhân lực ở địa ph­ương.

Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lâu và chống gian lận th­ương mại.

**2. Yêu cầu giám sát hoạt động đầu tư công**

(1) Giám sát họat động đầu tư xây dựng phải được tổ chức chặt chẽ với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức xã hội và cùng đồng thời hoạt động trong qua trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

(2) Thực hiện việc phối hợp liên ngành, liên vùng trong công tác giám sát Tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá, ngoài các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội ở các tỉnh, thành phố; các cơ quan của Hội đồng nhân dân; còn có thể huy động thêm các cơ quan thanh tra của Chính phủ ở Trung ương và địa phương; các các tổ chức Đoàn thể quần chúng; cộng đồng dân cư ở địa phương. Trong quá trình giám sát và đánh giá cần tổ chức việc lấy ý kiến của người dân; thực hiện quy chế giám sát cộng đồng để đưa ra những kết luận và những khuyến nghị thoả đáng.

(3) Giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng được tiến hành thường xuyên song song với việc điều hành thực hiện kế hoạch, coi đây là nhiệm vụ của các cơ quan có chức năng chứ không phải khi phát hiện ra tiêu cực mới tiến hành giám sát, kiểm tra.

(4) Nắm vững các thông tin về những đối tượng (dự án, công trình, chương trình) dự định chọn giám sát. Các thông tin đó sẽ được các cơ quan quản lý như chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, các cơ quan tư vấn thiết kế, giám sát công trình... cung cấp đầy đủ trong quá trình giám sát.

**3. Nội dung giám sát của HĐND trong đầu tư công**

Việc giám sát hoạt động đầu tư công cần bám sát các nội dung sau:

(1) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở địa phương. Nội dung Nghị quyết bao gồm:

- Tổng khối lượng vốn đầu tư từ ngân sách, trong đó:

+ Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách.

+ Vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác.

+ Ngân sách để lại các khoản thu cho các tỉnh thành phố đầu tư.

+ Các khoản vốn ngoài cân đối khác.

- Cơ cấu đầu tư, bao gồm cơ cấu đầu tư theo ngành, cơ cấu đầu tư theo địa bàn lãnh thổ của tỉnh thành phố.

- Danh mục các dự án đầu tư, bao gồm việc bố trí vốn cho từng dự án; các dự án quan trọng của địa phương.

- Các cơ chế chính sách và các giải pháp thực hiện chương trình đầu tư.

(2) Giám sát quá trình chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm đã được HĐND thông qua, bao gồm:

- Quy hoạch đầu tư

- Chủ trương đầu tư

- Việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng đối với dự án.

- Việc chấp hành các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, tổng dự toán, dự toán; công tác đấu thầu; điều kiện khởi công xây dựng; việc bố trí kế hoạch huy động và sử dụng vốn của dự án; việc thực hiện tiến độ, tổ chức quản lý dự án; các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

(3) Giám sát chi phí tài chính, thanh quyết toán trong quá trình thực hiện dự án; đánh giá dựa vào kết quả đầu ra của dự án; bao gồm đánh giá hiệu quả kinh tế, tài chính; sức lan tỏa và mối tác động của dự án đầu tư trong việc thúc đẩy phát triển của vùng, của ngành; kết quả về xã hội. Đối chiếu nội dung và kết quả thực hiện đầu tư với quyết định ban đầu để thấy rõ những sai lệch, điều chỉnh các yếu tố của dự án trong quá trình thực hiện đầu tư.

Các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN, vốn tín dụng Nhà nước phải được thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Trước khi phê duyệt quyết toán, phải thẩm tra, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định tổ chức thẩm tra. Có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoặc tự tổ chức thẩm tra.

Cơ quan cấp vốn, cho vay có trách nhiệm xác nhận số vốn đã cấp, cho vay. Tổ chức kiểm toán thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm toán.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án do TTCP quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Các dự án còn lại thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư được tính trong tổng dự toán được duyệt.

(4) Giám sát việc thực hiện các cơ chế chính sách và giải pháp đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tác động việc thực hiện các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đến chất lượng và hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

*HĐND giám sát thông qua các hoạt động như sau:*

- Xem xét báo cáo của Thư­ờng trực HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND của Chủ tịch HĐND, Chủ tịch của UBND, các thành viên khác của UBND, thủ trư­ởng các cơ quan chuyên môn của UBND, Viện trư­ởng Viện KSND, Chánh án TAND cùng cấp.

- Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND cùng cấp, Nghị quyết của HĐND cấp d­ưới trực tiếp khi phát hiện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTV Quốc hội, văn bản quy phạm phát luật của cơ quan nhà n­ước cấp trên và Nghị quyết của HĐND cùng cấp.

- Thành lập Đoàn Giám sát.

- Bỏ phiếu tín nhiệm những ngư­ời giữ chức vụ do HĐND bầu, phê chuẩn.

*Thường trực Hội đồng nhân dân có quyền*:

- Giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND, hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Giám sát cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, Luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và các Nghị quyết của HĐND cùng cấp.

**4. Khung kết quả giám sát đầu tư công**

Khung giám sát kết quả hoạt động NSNN thông qua đầu tư công là khung giám sát tổng hợp cho phép đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng và tình hình thực hiện NSNN theo tiến độ của quá trình hoạt động đầu tư.

Thực hiện khung giám sát này sẽ làm rõ ràng thêm những lập luận trong bản thẩm tra kế hoạch ngân sách nói chung và kế hoạch đầu tư công bằng vốn ngân sách của tỉnh, thành phố.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Những chỉ số giám sát** | **Những kết luận đưa ra** |
| 1 | Tỷ trọng chi NS cho đầu tư xây dựng trong tổng chi NS của tỉnh, thành phố | Tính hợp lý và minh bạch của bản cân đối NS |
| 2 | Các nguồn vốn NS trong cân đối và ngoài cân đối chi cho đầu tư xây dựng của tỉnh, thành phố | Tính hiện thực và khả năng huy động để cân đối |
| 3 | Tổng số vốn đầu tư của ngân sách dùng trả nợ khối lượng xây dựng năm trước | Tính minh bạch của khối lượng nợ XDCB (nợ trong kế hoạch, ngoài kế hoạch) |
| 4 | Số vốn ngân sách thực chi cho đầu tư xây dựng cơ bản trong năm kế hoạch | Tính hợp lý trong cơ cấu vốn đầu tư tác động đến việc thực hiện các mục tiêu |
| 6 | Cơ cấu thực và khối lượng vốn đầu tư phân theo các ngành kinh tế - xã hội | Tác động đến việc hoàn thành các mục tiêu phát triển của tỉnh, thành phố |
| 7 | Cơ cấu thực và khối lượng vốn đầu tư phân bổ cho các quận, huyện, thị xã trong tỉnh, thành phố | Tính hợp lý và các mối tác động kinh tế - xã hội liên quan |
| 8 | Danh mục các công trình trọng điểm đầu tư của tỉnh, thành phố, tổng vốn và tiến độ đầu tư | Tính cấp thiết, chủ trương đầu tư; khả năng tập trung vốn |
| 9 | Danh mục các dự án đầu tư trong kỳ kế hoạch, bao gồm các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới | Tính hợp lý trong bố trí sắp xếp ưu tiên các dự án đầu tư, tập trung, dàn trải và hiệu quả sử dụng vốn |
| 10 | Mức độ tác động các dự án, chương trình đầu tư đến việc sử dụng đất đai, tác động môi trường sinh thái và đời sống các tầng lớp dân cư | Kết luận thông qua các kiến nghị của cộng đồng dân cư |
| 11 | Thực hiện các dự án chương trình đầu tư | Tính minh bạch và hiệu quả trong việc chi phí đầu tư ở tất cả các khâu từ giải phóng mặt bằng, đấu thầu thiết kế, thi công, nghiệm thu, duy tu, bảo dưỡng công trình… |
| 12 | Sử dụng các khoản bổ sung ngân sách trong quá trình thực hiện kế hoạch NS và kế hoạch đầu tư trong năm kế hoạch | Tính công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn NS bổ sung |

Qua hệ thống giám sát này, sẽ hình thành bản báo cáo thẩm tra trình cho Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân theo định kỳ, chuyên đề hay đột xuất; với những nội dung chủ yếu như sau:

- Độ tin cậy của kế hoạch ngân sách và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách thông qua các dự báo các nguồn thu và các khoản chi trong bản cân đối ngân sách.

- Tính minh bạch và tính toàn diện của ngân sách và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách thông qua cách tiếp cận với nguồn thông tin nhiều chiều từ các cơ quan chính phủ cấp trên, cấp dưới và cộng đồng về ngân sách.

- Bình luận về tính hiệu quả việc phân bổ và sử dụng ngân sách cho chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

- Đề xuất các giải pháp tiếp theo để điều chỉnh bản cân đối ngân sách hoặc đề xuất kiến nghi bổ sung tài trợ từ các nguồn cho việc thiếu hụt ngân sách nhằm thực hiện các mục tiêu.

**5. Một số các sai sót thường gặp trong hoạt động đầu tư công**

| **Các sai sót** | **Nguyên nhân** | **Nội dung giám sát** |
| --- | --- | --- |
| 1. Chủ trương đầu tư sai, đầu tư theo phong trào, người ra quyết định đầu tư không chỉ rõ vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án đầu tư | Chất lượng các quy hoạch phát triển ngành, vùng, tỉnh thành phố không cao, duy ý chí, chưa làm cơ sở cho việc hoạch định đầu tư. Người ra quyết định đầu tư không dựa vào quy hoạch đã được phê duyệt. Quy hoạch thiếu cập nhật hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình. Dự báo sai về tác động thị trường đến đầu vào và đầu ra của dự án đầu tư. Khi xem xét một dự án đầu tư người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ quan tâm đến đầu vào của dự án, không quan tâm đến đầu ra, nên dự án không có hiệu quả | Giám sát từ khâu xây dựng quy hoạch và khâu bố trí kế hoạch đầu tư, xem xét từng dự án có phù hợp với quy hoạch đã được duyệt hay không? Xem xét quy hoạch cứng (kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội) và quy hoạch mềm (các ngành sản xuất kinh doanh). Đối với quy hoạch mềm, cần xem xét yếu tố đầu ra của dự án |
| 2. Bố trí chương trình đầu tư không đúng với mục tiêu đã được HĐND thông qua. Cơ cơ cấu đầu tư và bố trí từng nguồn vốn đầu tư cho các công trình chưa theo đúng với quy chế hiện hành. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư chưa chính xác, tiêu chí không rõ ràng. Các nguồn vốn ngoài cân đối của địa phương không được kế hoạch hóa đầy đủ và cụ thể | Chưa giải quyết được các cặp mâu thuẫn:  Mâu thuẫn giữa thực trạng yếu kém của cơ sở vật chất kỹ thuật và khả năng nguồn vốn đầu tư của ngân sách; mâu thuẫn giữa yêu cầu cấp bách trước mắt và lâu dài; mâu thuẫn giữa điểm và diện trong bố trí các dự án đầu tư từ vốn ngân sách.  Chưa có chính sách đặc thù để khai thác nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư | Tổ chức giám sát trong quá trình tập hợp nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn vốn ngân sách của tỉnh, thành phố. Giám sát việc xây dựng các tiêu chí để sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư.  Giám sát thực hiện mục tiêu đầu tư theo quyết định của HĐND. |
| 3. Phân bổ nguồn vốn đầu tư cho các công trình sai, có nhiều công trình chưa đủ thủ tục đã bố trí vốn đầu tư. Nhiều dự án nhóm A đã thực hiện quá 30% tổng mức đầu tư nhưng chưa phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán. Không tập trung cho công trình trọng điểm đã được HĐND thông qua. Danh mục đầu tư dàn đều. Chưa chấp hành đầy đủ quy định việc bố trí vốn cho các dự án nhóm C phải hoàn thành trong 2 năm, nhóm B trong 4 năm. Nợ khối lượng xây dựng cơ bản. | Không chấp hành đầy đủ các quy chế, quy phạm và pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.  Tình trạng nể nang, cục bộ, bản vị... dẫn đến đầu tư phân tán, chia đều. Việc bố trí dàn đều nguồn vốn và công trình chưa được khắc phục. Ý thức chấp hành các Nghị quyết của HĐND chưa nghiêm.  Bố trí tuỳ tiện những công trình chưa có kế hoạch được duyệt hoặc không đúng với quy hoạch của ngành; còn dễ dãi trong việc ứng trước nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư. | Giám sát chặt chẽ việc bố trí nguồn vốn đầu tư cho từng dự án đầu tư. Các cơ quan kế hoạch và các cơ quan tham mưu khác của tỉnh thành phố phải thuyết minh rõ ràng các căn cứ bố trí nguồn vốn cho từng dự án.  Giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục đầu tư và các cơ chế quản lý đầu tư. Cương quyết đưa lĩnh vực đầu tư từ nguồn vốn NSNN vào nền nếp. |
| 4. Quy mô dự án đầu tư không phù hợp, thiết kế tổng dự toán đầu tư không chính xác. Chất lượng công tác tư vấn về đầu tư và xây dựng còn nhiều khoảng thiếu tính toán có căn cứ chuẩn xác; dẫn đến nhiều tiêu cực trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách cho đầu tư. | Chất lượng và trình độ các tổ chức tư vấn kém. Công tác thẩm tra thẩm định các dự án đầu tư còn nhiều thiếu sót, bất cập.  Các cơ chế ràng buộc trách nhiệm giữa các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng với các chủ đầu tư còn lỏng lẻo. | Giám sát việc tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn, trên cơ sở xem xét năng lực của các tổ chức làm dịch vụ tư vấn, chất lượng tư vấn của các tổ chức làm dịch vụ tư vấn trong từng vấn đề cụ thể; khả năng tổ chức công việc của các tổ chức tư vấn. Chống khép kín trong một bộ, một ngành trong việc chọn tổ chức tư vấn. |
| 5. Quá trình thực hiện dự án có nhiều sai sót, thông thầu, bán thầu... Chỉ định thầu sai nguyên tắc, giải phóng mặt bằng có nhiều tiêu cực, dây dưa, chi tiêu các khoản mục và hạn muc đầu tư không đúng với thiết kế, tổng dự toán, thông đồng với nhà thầu trong việc khai khống khối lượng đầu tư để thanh toán... | Chấp hành không nghiêm các Luật, các Nghị định, chỉ thị các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng đã ban hành.  Tính khép kín của một bộ, một ngành trong chu trình hoạt động đầu tư của một dự án; từ khâu tư vấn đầu tư, tổ chức đấu thầu, chọn thầu, đơn vị thi công được tham gia đấu thầu và trúng thầu, hệ thống theo dõi, giám sát kỹ thuật quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình... | Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cơ chế chính sách luật pháp về đầu tư xây dựng; nhất là việc đấu thầu xét thầu và quyết định trúng thầu. Giám sát việc chi tiêu ngân sách trong các hạng mục công trình được duyệt. Các chủ đầu tư, các Ban QLDA phải giải trình đầy đủ những vụ việc trong thi công làm giảm hoặc vượt nguồn vốn đầu tư... |
| 6. Khâu quyết toán công trình có nhiều sai sót. Tài liệu kế toán công trình, biên bản nghiệm thu, khối lượng đầu tư từng hạn mục không rõ ràng. Việc thực hiện hợp đồng giữa nhà thầu và chủ đầu tư còn nhiều sai sót, vi phạm... Kết quả đầu ra của dự án không đúng với dự kiến ban đầu, dự án kém hiệu quả, thậm chí không hoạt động, chất lượng công trình thấp. | Thiếu sự kiểm tra giám sát của các chủ đầu tư và các cơ quan chức năng khác trong hệ thống thanh tra giám sát của Chính phủ và giám sát cộng đồng.  Buông lỏng công tác quản lý của các chủ đầu tư và các Ban quản lý Dự án đối với các nhà thầu.  Thiếu trách nhiệm chỉ đạo điều hành đầu tư xây dựng cơ bản, trong việc nghiệm thu công trình. | Giám sát chặt khâu quyết toán công trình, phát hiện những sai sót trong từng giai đoạn, từng khâu thanh toán khối lượng công trình. Các chủ dầu tư, các Ban quản lý dự án, các nhà thầu lần lượt trình bày những vụ việc xảy ra cho cơ quan giám sát việc thực hiện toàn bộ quá trình đầu tư của dự án. |